

&

A

B

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM & SX CƠ KHÍ QUANG HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. : 0109210083

3. : 05/06/2020

4. :

Thôn 9, Xã Liên Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. , :

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
2.	Sản xuất giày, dép	1520
3.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
8.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
9.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
10.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
13.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
14.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
15.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
16.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
17.	Tái chế phế liệu	3830
18.	Phá dỡ	4311
19.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
20.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

21.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
22.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
23.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: + Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; + Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; + Ô tô chuyên dụng; xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông ...; + Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.	4511
25.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
26.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá xe)	4513
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
28.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
29.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
33.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
34.	Bán buôn thực phẩm	4632
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
37.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
39.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

40.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: + Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng + Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) + Bán buôn máy móc, thiết bị y tế + Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
43.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
46.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
53.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4759
55.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

56.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng, sừng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
61.	Quảng cáo	7310
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: + Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp + Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng + Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) Điều 50 Luật quản lý ngoại thương 2017.	8299

6. : 3.000.000.000 VNĐ

7. :

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. :

* Họ và tên: ĐỖ QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/03/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001071023349

Ngày cấp: 18/05/2020

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, Xã Liên Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 9, Xã Liên Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. : Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội